TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Toàn**

Bà **Trần Thị Hiến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 758/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị G** - Sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Lê Văn T** - Sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị G trình bày:*

Bà Phan Thị G và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa), tỉnh Khánh Hoà vào ngày 28/02/1989. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông T có tính ghen tuông vô cớ, mỗi lần nhậu say về nhà kiếm cớ gây sự, đập phá đồ đạc trong nhà. Đến thời điểm hiện tại, bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà G được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà G và ông T có duy nhất một người con chung là Lê Thị T, sinh ngày 20/2/1991, con chung đã đủ tuổi thành niên nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phạn Thị G không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạn Thị G xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.*

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị G được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 20/2/1991 đã đủ tuổi thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị G xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Phan Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã P, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị G yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Phan Thị G và ông Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 28/02/1989. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị G và ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà Phan Thị G và ông Lê Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hội đồng xét xử xét thấy: xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà G là phù hợp. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà G và ông T có duy nhất một người con chung là Lê Thị T, sinh ngày 20/2/1991, con chung đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Phan Thị G xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Phan Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị G được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Con chung là Lê Thị T, sinh ngày 20/2/1991 đã đủ tuổi thành niên

3. Về án phí: Bà Phan Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0001610 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà G đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã P theo Giấy CNKH số 01, ngày 28/02/1990;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thùy My